TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST Ngày: 11-3-2026 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Tân
Ông Nguyễn Thanh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Như H, sinh ngày 05/6/1998 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). CCCD số: 096198002620, cấp ngày 21/9/2022.

Địa chỉ: Ấp C, xã L, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ liên hệ để tống đạt văn bản: O57 Lô DC 23, KDC V, khu phố D, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Chí Đ, sinh ngày 01/01/1996 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). CCCD số: 094096008558, cấp ngày 21/9/2022.

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2025 nguyên đơn chị Trần Như H trình bày:

Chị và anh Lê Chí Đ kết hôn với nhau vào năm 2024 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã L, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 36/2024, ngày 11/3/2024. Vợ chồng sống với nhau hạnh phúc và có một con chung. Hiện tại chị và anh Đ không còn chung sống với nhau vì có nhiều mâu thuẫn, trái ngược nhau về quan điểm sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Trần Bảo A, sinh ngày 11/9/2024, hiện con đang sống cùng chị, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A và không yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/3/2026 bị đơn anh Lê Chí Đ có lời trình bày:

Anh đồng ý ly hôn với chị H do đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con tên Lê Trần Bảo A, sinh ngày 11/9/2024 cho chị H nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung thống nhất lời chị H trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 36/2024, ngày 11/3/2024 của UBND xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là UBND xã L, tỉnh Cà Mau) thể hiện, chị Trần Như H và anh Lê Chí Đ có đăng ký kết hôn, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của đương sự thể hiện trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên đã ly thân với nhau, nguyên đơn chị H yêu cầu ly hôn, bị đơn anh Đ đồng ý thuận tình ly hôn, xét thấy đây là ý tự thỏa thuận của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: Chị Trần Như H và anh Lê Chí Đ thống nhất trình bày, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Trần Bảo A, sinh ngày 11/9/2024, hiện con đang sống cùng mẹ. Chị H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung, anh Đ đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu A dưới 36 tháng tuổi, chị H và anh Đ đã thỏa thuận được về việc giao cháu A cho mẹ tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên (đặc biệt con chung dưới 36 tháng tuổi), nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự trình bày không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị H đã nộp xong án phí.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Như H được ly hôn với anh Lê Chí Đ.

2. Về quyền nuôi con: Giao chị Trần Như H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Trần Bảo A, sinh ngày 11/9/2024 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Chí Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự trình bày không có và không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Trần Như H phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000386 ngày 08/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, chị H đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7 - Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã L, Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp